**NỘI DUNG GHI BÀI HKII**

**Bài 24: Cuộc kháng chiến từ năm 1858 đến năm 1873**

**I. THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VIỆT NAM**

**1. Chiến sự ở Đà Nẵng những năm 1858 – 1859**

- Lấy cớ bảo vệ đạo Gia Tô, rạng sáng ngày 1/9/1858, 3000 quân Pháp – Tây Ban Nha nổ sung tấn công Đà Nẵng. Âm mưu của Pháp chiếm Đà Nẵng rồi kéo quân ra Huế buộc triểu đình đầu hàng, kết thúc chiến tranh.

- Quân dân ta dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, anh dung chống trả. Quân Pháp bước đầu thất bại, sau 5 tháng xâm lược, chúng chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà.

**2. Chiến sự ở Gia Đình năm 1859**

- 2/1859, quân Pháp kéo vào Gia Định. Ngày 17/2/1859, chúng tấn công thành Gia Định. Quân triều đình chống cự yếu ớt rồi tan rã.

- Trong khi đó, nhân dân địa phương đã tự động nổi lên đánh giặc khiến chúng khốn đốn.

- Đêm 23/2/1861, quân Pháp mở cuộc tấn công qui mô vào Đại đồn Chí Hòa. Quân ta kháng cự mạnh mẽ nhưng không thắng nổi hỏa lực của địch. Đại đồng Chí Hòa thất thủ. Thừa thắng quân Pháp lần lượt chiếm các tỉnh Định Tường, Biên Hòa và tỉnh thành Vĩnh Long.

- Ngày 5/6/1862, triều đình Huế kí với Pháp hiệp ước Nhâm Tuất. Nội dung cơ bản của hiệp ước: triều đình thừa nhận quyền cai quản của nước Pháp ở ba tỉnh miền Đông Nam Kì và đảo Côn Lôn, mở ba cuar biern Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp vào buôn bán. Cho phép người Pháp và người Tây Ban Nha tự do truyền đạo Gia Tô, bãi bỏ lệnh cấm đạo trước đây, bồi thường cho Pháp một khoản chiến phí tương đương 280 vạn lạng bạc, Pháp sẽ trả lại tỉnh thành Vĩnh Long cho triều đình chừng nào triều đình buộc được dân chúng ngừng kháng chiến.

**II. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1873**

**1. Kháng chiến ở Đà Nẵng và ba tỉnh miền Đông Nam Kì**

- Tại Đà Nẵng: nhiều toán nghĩa binh nổi lên phối hợp với quân triều đình chống giặc.

- Tại Gia Định: Phong trào kháng chiến của nhân dân sôi nổi. Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu của Pháp trên song Vàm Cỏ Đông ( 10/12/1861): Khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo làm địch thất điên bát đảo.

**2. Kháng chiến lan rộng ra ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ**

- Để lấy lại các tỉnh đã mất, triều đình Huế cử một phái bộ sang Pháp thương lượng nhưng thất bại. Lợi dụng sự bạc nhược của triều đình Huế, từ ngày 20 đến ngày 24/06/1867, quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây không tốn một viên đạn.

- Nhân dân sáu tỉnh Nam Kỳ nêu cao tinh thần quyết tâm chống Pháp. Họ nổi lên khởi nghĩa khắp nơi.

- Các trung tâm kháng chiến được thành lập ở Đồng Tháo Mười, Tây Ninh, Bến Tre,… với các lãnh tụ nổi tiến như Phan Tôn, Phan Liêm, Nguyễn Trung Trực,… Các nho sĩ dùng thơ văn để chiến đấu như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị,…

**Bài 25: Kháng chiến lan rộng ra toàn quốc (1873 - 1884)**

**I. THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH BẮC KỲ LẦN THỨ NHẤT. CUỘC KHÁNG CHIẾN Ở HÀ NỘI VÀ CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG BẮC KỲ**

**1. Tình hình Việt Nam trước khi Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ**

- Pháp xây dựng bộ máy cai trị, đẩy mạnh chính sách bóc lột bằng tô thuế, cướp đoạt ruộng đất, vơ vét lúa gạo để xuất khẩu, mở trường đào tạo tay sai, xuất bản báo chí.

- Kinh tế sa sút, tài chính thiếu hụt, binh lực suy yếu, khởi nghia nông dân nổ ra khắp nơi.

**2. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất ( 1873)**

- Cuối năm 1872, thực dân Pháp sai lái buôn Đuy-puy gây rối ở Hà Nội. Lấy cớ giải quyết việc này, Gác-no-ê chỉ huy 20 vạn quân Pháp kéo ra Bắc.

- 20/11/1873, Quân Pháp đánh thành Hà Nội. Quân ta do Nguyễn Tri Phương chỉ huy cố gắng cản giặc nhưng thất bại. Đến trưa thành mất, Nguyễn Tri Phương bị thương, và mất.

- Pháp nhanh chóng chiếm được một số tỉnh Bắc kỳ.

**3. Kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ ( 1873 – 1874)**

- Nhân dân ta đã anh dũng đứng lên kháng chiến: quấy rối địch, đánh địch, kháng cự Pháp,…

- 21/12/1873, lợi dụng tình hình địch ở Hà Nội tương đối yếu, quân ta đã phản công Pháp, đánh ra Cầu Giấy. Chiến thắng Cầu Giấy khiến quân Pháp hoang mang, còn quân dân ta thì phấn khởi hang hái đánh giặc.

- Giữa lúc đó, triều đình Hiế lại kí hiệp ước Giáp Tuất ( 15/3/1874). Theo đó Pháp sẽ rút quân khỏi Bắc Kỳ, còn triều đình thì chính thức thừa nhận sáu tỉnh Nam Kỳ hoàn toàn thuộc Pháp.

⇒ Hiệp ước Giáp Tuất đã làm mất một phần quan trọng chủ quyền lãnh thổ, ngoại giao và thương mại của Việt Nam.

**II. THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH CHIẾM BẮC KỲ LẦN THỨ HAI. NHÂN DÂN BẮC KỲ TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN TRONG NHỮNG NĂM 1882-1884**

**1. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai**

- Lấy cớ triều đình Huế vi phạm hiệp ước 1874, ngày 3/7/1882 quân Pháp do Ri-vi-e chỉ huy đổ bộ lên Hà Nội. Ngày 25/4/1882, Ri-vi-e gửi tối hậu thư buộc Tổng đốc Hoàn Diệu nộp thành không điều kiện.

- Không đợi trả lời, quân Pháp nổ sung tấn công. Quân ta chống cự quyết liệt nhưng đến trưa thành mất. Hoàng Diệu thắt cổ tự tử.

- Sauk hi chiếm thành Hà Nội, quân Pháp tỏa đi chiếm Hà Nội, quân Pháp tỏa đi chiếm Hòn Gai, Nam Định và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ.

**2. Nhân dân Bắc Kỳ tiếp tục kháng chiến**

- Ở Hà Nội: nhân dân tự tay đốt nhà, tạo thành bức tường lửa chặn giặc. Hàng nghìn người, gương giáo chỉnh tề tụ tập tại đình Quảng Văn chuẩn bị kéo vào thành nhưng chưa kịp đi thfi thành mất. Cuộc chiến đấu diễn ra trong long địch sau đó diễn ra vô cùng quả cảm. Nhân dân Hà Nội phối hợp với nhân dân các vùng xung quanh đào hào, đắp lũy, lập các đọi dân dũng.

- Tại các địa phương: Nhân dân đắp đập, cắm kè trên song làm hầm chông, cạm bẫy,… chống Pháp. Khi Ri-vi-e đánh Nam Định, quân ta từ Sơn Tây và Bắc Ninh kéo về áp sát thành Hà Nội, ngày đêm tập kích, phục kích, đốt phá kho tàng doanh trại của địch. Ri-vi-e phải trở về Hà Nội đối phó.

- Chiến thắng Cầu Giấy năm 1883: Ngày 19/5/1883, hơn 500 tên địch kéo ra Cầu Giấylọt vào trận địa phục kích của quân ta. Quân Cờ đen phối hợp với quân Hoàng Tá Viên, đổ ra đánh. Nhiều sĩ quan và binh lính Pháp bị giết trong đó có Ri-vi-e.

⇒ Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai càng làm cho quân Pháp hoang mang dao động. Chúng đã toan bỏ chạy nhưng triều đình Huế lại chủ trương thương thuyết. Tuy nhiên sau khi có thêm viện binh, nhân cơ hội vua Tự Đức qua đời, nội bộ triều đình Huế lục đục, thực dân Pháp tấn công thẳng vào Thuận An, cửa ngõ kinh thành Huế.

**3. Hiệp ước Pa-tơ-nốt. Nhà nước phong kiến Việt Nam sụp đổ**

- Chiều ngày 18/8/1883, hạm đọi Pháp bắt đầu bắn phá dữ dội các pháo đàu ở cửa Thuận An. Triều đình hoảng hốt xin đình chiến và kí hiệp ước Hác-măng vào ngày 25/8/1883.

- Nội dung:

Triều đình Huế thừa nhận nền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, cắt tỉnh Bình Thuận khỏi Trung Kì, nhập vào Nam Kỳ thuộc pháp, ba tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh sát nhập vào Bắc Kỳ, buộc triều đình được cai quản vùng đất Trung Kỳ nhưng mọi việc phải thông qua viên khâm sứ Pháp ở Huế. Công sứ Pháp ở các tỉnh phía Bắc Kỳ thường xuyên kiểm soát những công việc của quan lại triều đình, nắm các quyền trị an và nội vụ. Mọi việc giao thiệp với nước ngoài đều do Pháp nắm. Triều đình Huế phải rút quân đội Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

- Việc ký hiệp ước 1883 càng đẩy mạnh phong trào kháng chiến của nhân dân ta.

- Nhiều sĩ phu văn thân là quan lại triều đình phản đối lệnh bãi binh như Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Hoàng Văn Hòe, Lã Xuân Oai, Nguyễn Quang Bích.

- Thực dân Pháp tổ chức các cuộc tấn công nhằm tiêu diệt các trung tâm đề kháng còn sót lại ở Bắc Kỳ. Đồng thời Pháp – Thanh thỏa thuận với nhau và quân Thanh rút khỏi Bắc Kỳ.

- Sau khi làm chủ tình thế. Chính phủ Pháp buộc triều đình Huế kí bản hiệp ước Pa-ta-nốt vào ngày 6//6/1884, nội dung cơ bản giống hiệp ước Hắc – măng chỉ sửa lại ranh giới Trung Kì nhằm xoa dịu dư luận và lấy lòng vua quan phong kiến bù nhìn.

**Bài 26: Phong trào kháng chiến chống Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX**

**I. CUỘC PHẢN CÔNG CỦA PHÁI KHÁNG CHIẾN TẠI KINH ĐÔ HUẾ. VUA HÀM NGHI RA “CHIẾU CẦN VƯƠNG”**

**1. Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến ở Huế tháng 7- 1885.**

\* Nguyên nhân:

- Phe chủ chiến trong triều đình Huế muốn giành lại chủ quyền từ tay Pháp.

- Thực dân Pháp khi biết âm mưu của phe chủ chiến, đã tìm mọi cách để tịêu diệt phe chủ chiến khi có điều kiện.

\* Diễn biến:

- Đêm 4 rạng 5- 7- 1885 Tôn Thất Thuyết (Thượng Thư Bộ binh ) hạ lệnh tấn công quân Pháp ở Tòa Khâm Sứ và Đồn Mang Cá.

- Quân Pháp nhất thời rối loạn, sau khi củng cố tinh thần, chúng phản công chiếm Hoàng Thành. Trên đường đi chúng giết người cướp của rất dã man.

**2. Phong trào Cần Vương bùng nổ và lan rộng.**

- Kinh thành Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây 13- 7- 1885 ông nhân danh vua Hàm Nghi ra “Chiếu Cần Vương" kêu gọi văn thân và nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước.

- Từ đó phong trào chống xâm lược dâng lên sôi nổi kéo dài đến cuối thế kỷ XIX.

\* 1885- 1888, phong trào bùng nổ khắp cả nước nhất là Trung Kỳ, Bắc Kỳ

\* 1888- 1896: sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn có quy mô và trình độ tổ chức cao hơn, tiêu biểu nhất là khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896)

I. NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG: BA ĐÌNH, BÃI SẬY, HƯƠNG KHÊ.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khởi nghĩa** | **Lãnh đạo** | **Địa bàn** | **Thành phần tham gia** | **Diễn biến** |
| Ba Đình (1886-1887) | Phạm Bành, Đinh Công Tráng | Mậu Thịch, Thượng Thọ, Mỹ Khê | Người kinh, mường, thái | - 12- 1886 đến 1- 1887 Pháp tấn công quy mô vào căn cứ, nghĩa quân cầm cự suốt 34 ngày đêm.- Cuối cùng, khởi nghĩa thất bại nên nghĩa quân rút lên Mã Cao. |

Bãi SậyNguyễn Thiện ThuậtVăn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ - Hưng YênNông dân

- 1885- 1889 thực dân Pháp phối hợp với lực lượng của tay tay sai Hoàng Cao Khải mở cuộc tấn công qui mô nhằm tiêu diệt nghĩa quân.

- Lực lượng nghĩa quân suy giảm.

- 1889 Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc.

Hương KhêPhan Đình Phùng, Cao ThắngThanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình

+ 1885- 1888: tổ chức, huấn luyện, xây dựng công sự, rèn Đức vũ khí với lối đánh du kích trải rộng trên 4 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh,Quảng Bình.

+ 1888- 1895: chiến đấu cam go đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của địch.

+ Pháp càn quét, bao vây Ngàn Trươi, Phan Đình Phùng hy sinh ngày 28 - 12 - 1895, nghĩa quân hoạt động thêm một thời gian rồi tan rã.

\* Ý nghĩa của phong trào cần Vương

- Phong trào Cần Vương là phong trào lớn mạnh, thể hiện truyên thống và khí phách anh hùng của dân tộc ta.

- Tiêu biểu nhất cho cuộc kháng chiến tự vệ của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX.

- Hứa hẹn một năng lực chiến đấu dồi dào chống chủ nghĩa đế quốc.

\* Nguyên nhân thất bại của phong trào Cần Vương

- Hạn chế của ý thức hệ phong kiến ( khẩu hiệu Cần Vương ), chỉ đáp ứng phần nhỏ yêu cầu của dân tộc, chưa đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

- Hạn chế của người lãnh đạo, chiến đấu mạo hiểm, phiên lưu, chưa tính toán kết quả, chiến lược, chiến thuật sai lầm, thiếu liên hệ, khi thất bại dễ sinh ra bi quan chán nản.

**Bài 27: Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỉ XIX**

**I. Khởi nghĩa Yên Thế**

- Yên Thế nằm ở tây bắc tỉnh Bắc Giang, diện tích khoảng 40-50 km2, là vùng đất đồi, cây cối rậm rạp, địa hình hiểm trở.

- Một bộ phận nông dân ở đồng bằng Bắc Kỳ rời bỏ quê hương tìm nơi sinh sống đã lên Yên Thế, nông dân Yên Thế đã đứng lên đấu tranh bảo vệ cuộc sống.

- Giai đoạn 1884-1892, nhiều toán nghĩa quân hoạt động riêng rẽ. Thủ lĩnh có uy tín nhất là Đề Nắm.

Tháng 4-1892, Đề Nắm chết, Đề Thám trở thành chỉ huy tối cao.

- Giai đoạn 1893-1908, nghĩa quân vừa chiến đấu vừa xây dựng cơ sở.

Nhận thấy tương quan lực lượng chênh lệch, Đề Thám tìm cách giảng hòa với Pháp.

Nghĩa quân phục kích bắt được tên điền chủ người Pháp Sét-nay. Đề Thám đồng ý thả tên này với điều kiện quân Pháp phải rút khỏi Yên Thế, Đề Thám cai quản bốn tổng: Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ và Hữu Thượng.

Thời gian hòa hoãn không lâu, thực dân Pháp tấn công trở lại, lực lượng nghĩa quân bị tổn thất, suy yếu nhanh chóng.

Đề Thám lại chủ động xin giảng hòa (tháng 12/1897). Thực dân Pháp chấp nhận nhưng đưa ra những điều kiện ngặt nghèo buộc nghĩa quân phải thực hiện.

- Từ năm 1897 đến năm 1908, tranh thủ thời gian hòa hoãn, Đề Thám cho khai khẩn đồn điền Phồn Xương, lo tích trữ lương thực, xây dựng đội quân tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu.

- Giai đoạn 1909-1913, phát hiện được Đề Thám có dính líu đến vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội (1908), thực dân Pháp tấn công quy mô lên Yên Thế. Trải qua nhiều trận càn của địch, lực lượng nghĩa quân hao mòn dần. Ngày 10/2/1913, Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

I**I. Phong trào chống Pháp của đồng bào miền núi**

- Ở Nam Kỳ, nhân dân các dân tộc thiểu số đã sát cánh cùng người Kinh đánh Pháp từ giữa thế kỷ XIX.

- Ở miền Trung, tiêu biểu là các cuộc đấu tranh do Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước cầm đầu.

- Ở Tây Nguyên, tù trưởng N’Tgang Guh, Ama Kol, Ama Jhao… đã kêu gọi nhân dân rào làng chiến đấu từ 1889 đến 1905.

- Ở Tây Bắc, đồng bào các dân tộc Mường, Thái… tập hợp dưới ngọn cờ của Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp lập căn cứ kháng chiến ở Lai Châu, Sơn La hoạt động mạnh ở sông Đà.

- Trong các năm từ 1884 đến 1890, xuất hiện các toán quân người Thái dưới sự chỉ huy của Đèo Văn Trì, Nông Văn Quang, Cầm Văn Thanh, Cầm Văn Hoan.

- Đồng bào Thái ở Sơn La, Yên Bái do Đèo Chính Lục, Đặng Phúc Thành cầm đầu đã phục kích quân Pháp ở nhiều nơi.

- Đồng bào Mông ở Hà Giang do Hà Quốc Thượng lãnh đạo đã nổi dậy chống Pháp từ năm 1894 đến năm 1896.

- Tại vùng Đông Bắc Kỳ, bùng nổ phong trào của người Dao, người Hoa, tiêu biểu nhất là đội quân của Lưu Kỳ.

**Bài 28: Trào lưu cải cách Duy Tân ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX**

**I. Tình hình Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX**

- Vào những năm 60 của thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp ráo riết mở cuộc chiến tranh xâm lược Nam Kỳ, chuẩn bị đánh chiếm cả nước ta, thì triều đình Huế vẫn tiếp tục thực hiện chính sách nội trị, ngoại giao lỗi thời, lạc hậu, khiến cho kinh tế, xã hội Việt Nam rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng.

- Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương mục ruỗng, nông nghiệp, thủ công nghiệp bế tắc, tài chính khô kiệt, đời sống nhân dân vô cùng khó khan. Mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc gay gắt thêm. Phong trào khởi nghĩa nông dân bùng lên dữ dội, càng làm cho đất nước lâm vào tình trạng rối ren thêm.

**II. Những đề nghị cải cách ở Việt Nam vào nửa cuối thế kỷ XIX**

- Trước tình trạng đất nước ngày càng nguy khốn, đồng thời xuất phát từ long yêu nước, thương dân, muốn cho nước nhà giàu mạnh, có thể đương đầu với các cuộc tấn công của kẻ thù, một số quan lại sĩ phu đã đưa ra những đề nghị cải cách.

- Năm 1868, Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển Trà Lý (Nam Định). Đinh Văn Điền xinh đẩy mạnh việc khai khẩn ruộng hoang và khai mỏ, phát triển buôn bán, chấn chỉnh quốc phòng.

- Từ năm 1863 đến 1871, Nguyễn Trường Tộ gửi lên triều đình 30 bản điều trần đề cập đến một loạt vấn đề như chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển bộ máy công thương nghiệp và tài chính, chỉnh đốn võ bị, mở rộng ngoại giao, cải tổ giáo dục.

- Vào các năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch dâng hai bản “Thời vụ sách” lên vua Tự Đức, đề nghị chấn hung dân khí, khai thông dân trí, bảo vệ đất nước.

**III. Kết cục của các đề nghị cải cách**

- Hạn chế của các đề nghị cải cách: lẻ tẻ, rời rạc, chưa xuất phát từ cơ sở bên trong, chưa động chạm đến vấn đề cơ bản của thời đại là giải quyết mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp.

- Nguyên nhân khiến cho những đề nghị cải cách không thực hiện được: chủ yếu là do triều đình phong kiến nhà Nguyễn bảo thủ không muốn chấp nhận, những thay đổi, bất lực trong việc thích ứng với hoàn cảnh.

- Ý nghĩa của những đề nghị cải cách: gây tiếng vang lớn, tấn công vào những tư tưởng bảo thủ và phản ánh trình độ nhận thức mới của người Việt Nam hiểu biết, thức thời. Góp phần vào việc chuẩn bị cho sự ra đời phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX ở Việt Nam.

**Bài 29: Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến về kinh tế xã hội ở Việt Nam**

**I. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 – 1914).**

**1. Tổ chức bộ máy nhà nước**

- Sau khi đàn áp xong những cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp bắt tay vào khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914). Pháp thành lập Liên bang Đông Dương, đứng đầu là viên toàn quyền người Pháp.

- Việt Nam bị chia làm 3 xứ với 3 chế độ cai trị khác nhau: Nam Kì (thuộc địa), Trung Kì (bảo hộ), Bắc Kì (nửa bảo hộ). Xứ và các tỉnh đều do viên quan người Pháp cai trị. Mỗi xứ gồm nhiều tỉnh, đứng đầu xứ và tỉnh là những viên quan người Pháp. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu. Đơn vị hành chính cơ sở vẫn là làng xã do các chức dịch địa phương cai quản. Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương đều do Pháp chi phối.

\*Nhận xét:

- Chính sách của Pháp trong việc tổ chức bộ máy nhà nước vô cùng chặt chẽ, với tay xuống tận nông thôn.

- Kết hợp giữa thực dân và phong kiến cai trị.

**2. Chính sách kinh tế**

- Nông nghiệp:

   + Đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất. Ở Bắc Kì đến năm 1902, có tới 182.000 hécta ruộng đất bị Pháp chiếm.

   + Phát canh thu đô

- Công nghiệp: khai thác mỏ than và kim loại để xuất khẩu, đầu tư công nghiệp nhẹ như: sản xuất xi măng, gạch ngói, xay xát gạo, giấy, diêm,...

- Giao thông vận tải: xây dựng hệ thống đường giao thông để tăng cường bóc lột và đàn áp.

- Thương nghiệp: độc chiếm thị trường Việt Nam, vì vậy chúng ưu tiên cho hàng hóa Pháp, đánh thuế nặng hàng hóa các nước khác nhập vào Việt Nam. Hàng hóa của Việt Nam chủ yếu chỉ xuất sang Pháp.

- Trong khi đó, Pháp lại tăng thêm các loại thuế, thuế mới chồng thuế cũ, đặc biệt là thuế rượu, muối, thuốc phiện.

=> Kinh tế Việt Nam vẫn là nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, phụ thuộc, đời sống nhân dân khốn cùng.

**3. Chính sách văn hoá, giáo dục**

- Duy trì nền giáo dục phong kiến.

- Mở một số trường học và cơ sở y tế, văn hoá, đưa tiếng Pháp vào chương trình học bắt buộc ở bậc Trung học.

= > Những chính sách của thực dân Pháp đã tạo ra tầng lớp tay sai, kìm hãm nhân dân ta trong vòng ngu dốt.

**II. NHỮNG BIẾN CHUYỂN CỦA XÃ HỘI VIỆT NAM**

**1. Các vùng nông thôn**

\*Giai cấp địa chủ phong kiến

- Ngày càng đông đa phần đầu hàng, cấu kết, làm tay sai cho thực dân Pháp.

- Một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước.

\*Giai cấp nông dân

- Bị bần cùng hoá, sống cơ cực, không lối thoát, họ bị mất đất.

- Một bộ phận nhỏ trở thành tá điền, làm phu đồn điền cho Pháp.

- Một bộ phận phải “tha phương cầu thực”, ra thành thị làm nghề phụ như cắt tóc, kéo xe, ở vú,...Số ít thành công nhân, làm việc trong các nhà máy, hầm mỏ của tư bản.

**2. Đô thị phát triển, sự xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới**

- Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX nhiều đô thị mới xuất hiện và phát triển nhanh: Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn, Chợ Lớn, Nam Định, Vinh,…

- Một số giai cấp và tầng lớp mới xuất hiện:

   + Giai cấp tư sản họ là những nhà thầu khoán, chủ xí nghiệp, xưởng thủ công, chủ các hãng buôn. Họ bị tư sản Pháp chèn ép, chính quyền thực dân kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế nên họ muốn có những thay đổi nhỏ để dễ bề làm ăn sinh sống, chứ chưa dám tỏ thái độ hưởng ứng hay tham gia các cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.

   + Tầng lớp tiểu tư sản: họ là các chủ xưởng thủ c

   + Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và trưởng thành nhanh chóng, họ có tinh thần triệt để cách mạng

**3. Xu hướng mới trong cuộc vận động giải phóng dân tộc**

Trong lúc xã hội Việt Nam đang có sự phân hóa sâu sắc thì đầu thế kỉ XX, những tư tưởng dân chủ tư sản ở châu Âu, việc Nhật Bản đi theo con đường tư bản chủ nghĩa mà trở nên giàu có đã tác động mạnh vào Việt Nam. Các nhà yêu nước Việt Nam muốn noi gương Nhật Bản. Vì vậy, những tri thức nho học tiến bộ lao vào cuộc vận động cứu nước theo con đường dân chủ tư sản.

**Bài 30: Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918**

**I. Phong trào yêu nước trước chiến tranh thế giới thứ nhất**

**1. Phong trào Đông Du (1905-1909)**

+ Một số người yêu nước Việt Nam muốn nhờ cậy Nhật Bản để bạo động vũ trang giành độc lập. Vì vậy, họ lập Hội Duy tân do Phan Bội Châu đứng đầu nhằm mục đích lập ra một nước Việt Nam độc lập.

+ Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật nhờ giúp đỡ khí giới và tiền bạc để đánh Pháp. Người Nhật chỉ hứa giúp đào tạo cán bộ cho cuộc bạo động vũ trang sau này. Hội Duy tân phát động phong trào Đông Du. Số học sinh sang Nhật du học có lúc lên đến 200 người.

+ Tháng 9/1908, Pháp Nhật cấu kết với nhau, trục xuất những người yêu nước Việt Nam ra khỏi đất nước Nhật. Phong trào Đông du tan rã, Hội Duy tân ngừng hoạt động.

**2. Đông Kinh nghĩa thục**

+ Tháng 3/1907, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Vũ Hoành… mở Đông Kinh nghĩa thục ở Hà Nội.

Chương trình học gồm Địa lý, Lịch sử, Khoa học thường thức.

+ Các nhà nho còn tổ chức bình văn, xuất bản sách báo nhằm bồi dưỡng, nâng cao long yêu nước truyền bá nội dung học tập và nếp sống mới.

+Lúc đầu trường hoạt động ở nội thành, sau đó mở rộng ra ngoài thành và các vùng lân cận.

+ Tháng 11/1907, thực dân Pháp ra lệnh giải tán Đông Kinh nghĩa thục và bắt những người lãnh đạo.

+Đông Kinh nghĩa thục đã đạt được kết quả to lớn, đặc biệt trong việc cổ động cách mạng, phát triển văn hóa, ngôn ngữ dân tộc.

**3. Cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.**

+ Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ do Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng… lãnh đạo. Hình thức hoạt động rất phong phú: mở trường học, diễn thuyết, cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, đả kích quan lại xấu, cổ động việc mở mang công thương nghiệp.

+ Dưới ảnh hưởng của phong trào Duy Tân, một phong trào chống đi phu, chống sưu thuế nổ ra rầm rộ ở Trung Kỳ. Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp bắt bớ, tù đày, xử tử nhiều nhà yêu nước.

**II. Phong trào yêu nước trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).**

**1. Chính sách của thực dân Pháp ở Đông Dương trong thời chiến.**

+ Chiến tranh thế giới bùng nổ, Đông Dương trở thành đối tượng để thực dân Pháp vơ vét sức người, sức của cung cấp cho chiến tranh.

Bắt lính cung cấp cho chiến tranh

+ Nông nghiệp chuyển sang trồng các loại cây công nghiệp phục vụ cho chiến tranh.

+ Tổ chức “lạc quyên”, bắt nhân dân mua công trái để chi phí cho chiến tranh.

**2. Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916). Khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái Nguyên năm 1917.**

**a. Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916)**

+ Thái Phiên và Trần Cao Vân liên lạc với binh lính sắp bị đưa sang chiến trường Châu Âu đang tập trung ở Huế và mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa.

+ Kế hoạch khởi sự dự kiến vào đêm mùng 3 rạng sáng mùng 4/5/1916 tại Huế nhưng bị bại lộ. Các trại lính người Việt bị đóng cửa. Thái Phiên và Trần Cao Vân bị bắt và tử hình, vua Duy Tân bị đưa đi đày ở châu Phi.

**b. Khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái Nguyên (1917)**

+ Anh em binh lính do Trịnh Văn Cấn cầm đầu tiếp xúc với tù chính trị, trong đó có Lương Ngọc Quyến nên được giác ngộ và đã phối hợp với tù chính trị khởi nghĩa.

+ Nghĩa quân giết chết tên giám binh người Pháp, phá nhà lao, thả tù chính trị chiếm các công sở và làm chủ tỉnh lị Thái Nguyên trong một tuần lễ. Khi viện binh Pháp kéo đến, quân Pháp từ trong đánh ra, ngoài đánh vào, nghĩa quân rút khỏi tỉnh lị, Lương Ngọc Quyến hy sinh.

+ Nghĩa quân tiếp tục chiến đấu gần 5 tháng ở rừng núi vô cùng gian khổ. Đội Cấn bị thương đã tự sát, nêu cao ý chí bất khuất của nguời chỉ huy và nghĩa quân anh hung.

**3. Những hoạt động của Nguyễn Tất Thành sau khi ra đi tìm đường cứu nước**.

+ Sinh ra và lớn lên trong bối cảnh nước nhà bị mất vào tay thực dân Pháp, nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào cách mạng nổ ra nhưng thất bại, Nguyễn Tất Thành rất khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền nhân nhưng không tán thành đường lối hoạt động của họ. Người quyết định đi sang châu Phi, châu Mỹ, châu Âu.

+ Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, tham gia hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước, viết báo, truyền đơn… tố cáo thực dân, tuyên tryền cho cách mạng Việt Nam. Sống và hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Nguyễn Tất Thành dần dần biến chuyển.